QUỐC HỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Luật số: …/2025/QH15	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

DỰ THẢO

LUẬT
TƯƠNG TRỢ TƯ PHÁP VỀ HÌNH SỰ

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Quốc hội ban hành Luật Tương trợ tư pháp về hình sự.

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Luật này quy định nguyên tắc, thẩm quyền, trình tự, thủ tục thực hiện tương trợ tư pháp về hình sự giữa Việt Nam với nước ngoài; trách nhiệm của các cơ quan nhà nước Việt Nam trong tương trợ tư pháp về hình sự.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Luật này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân Việt Nam; cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài có liên quan đến tương trợ tư pháp về hình sự giữa Việt Nam với nước ngoài.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Luật này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Tương trợ tư pháp về hình sự* là việc Việt Nam và nước ngoài, thông qua các cơ quan nhà nước có thẩm quyền, dành cho nhau sự hỗ trợ trong việc thực hiện các hoạt động xác minh, điều tra, thu thập chứng cứ hoặc thực hiện các thủ tục tố tụng khác nhằm phục vụ giải quyết các vụ việc, vụ án hình sự.

2. *Nước yêu cầu* là nước gửi yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự để nước được yêu cầu xem xét hỗ trợ thực hiện.

3. *Nước được yêu cầu* là nước được đề nghị thực hiện tương trợ tư pháp về hình sự.

4. *Cơ quan lập yêu cầu* là cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật cần đề nghị nước ngoài thực hiện tương trợ tư pháp về hình sự để giải quyết các vụ việc, vụ án hình sự, gồm: cơ quan trung ương trong tương trợ tư pháp về hình sự, cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng và cơ quan thi hành án.

5. *Cơ quan thực hiện yêu cầu* là cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật được giao thực hiện yêu cầu ở Việt Nam và nước ngoài.

Điều 4. Áp dụng pháp luật

1. Tương trợ tư pháp về hình sự được thực hiện theo quy định của Luật này. Trường hợp Luật này không quy định thì áp dụng pháp luật liên quan có quy định về tương trợ tư pháp về hình sự.

2. Trường hợp tương trợ tư pháp về hình sự thực hiện trên cơ sở một điều ước quốc tế về tương trợ tư pháp về hình sự mà Việt Nam và nước ngoài là thành viên khác với quy định của pháp luật Việt Nam thì áp dụng các điều khoản trong điều ước quốc tế đó.

Điều 5. Nguyên tắc tương trợ tư pháp về hình sự

1. Tương trợ tư pháp về hình sự được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, bình đẳng và các bên cùng có lợi, phù hợp với Hiến pháp, pháp luật Việt Nam, điều ước quốc tế có liên quan mà Việt Nam là thành viên.

2. Trường hợp Việt Nam và nước ngoài chưa ký kết điều ước quốc tế về tương trợ tư pháp về hình sự thì việc tương trợ tư pháp về hình sự có thể được thực hiện theo nguyên tắc có đi có lại nhưng không trái với pháp luật Việt Nam, phù hợp với pháp luật quốc tế và tập quán quốc tế.

Điều 6. Áp dụng nguyên tắc có đi có lại

1. Cơ quan trung ương trong tương trợ tư pháp về hình sự quyết định việc tiếp nhận hay từ chối yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự của nước ngoài trên nguyên tắc có đi có lại.

2. Trong trường hợp cần thiết, Cơ quan trung ương trong tương trợ tư pháp về hình sự lấy ý kiến của Bộ Ngoại giao và các cơ quan có liên quan để thống nhất trước khi quyết định, bảo đảm chủ quyền lãnh thổ, lợi ích quốc gia, các yêu cầu về chính trị và ngoại giao giữa Việt Nam và nước ngoài.

Điều 7. Ngôn ngữ trong tương trợ tư pháp về hình sự

1. Trường hợp giữa Việt Nam và nước ngoài đã có điều ước quốc tế về tương trợ tư pháp về hình sự thì ngôn ngữ trong hồ sơ yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự là ngôn ngữ được quy định trong điều ước quốc tế đó.

2. Trường hợp giữa Việt Nam và nước ngoài chưa có điều ước quốc tế về tương trợ tư pháp về hình sự thì hồ sơ yêu cầu phải kèm theo bản dịch ra ngôn ngữ của nước được yêu cầu hoặc một ngôn ngữ khác mà nước được yêu cầu chấp nhận.

3. Cơ quan lập yêu cầu phải dịch các văn bản, tài liệu quy định tại điểm b, điểm c khoản 1 Điều 19 Luật này ra ngôn ngữ theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

Điều 8. Phạm vi tương trợ tư pháp về hình sự

Phạm vi tương trợ tư pháp về hình sự giữa Việt Nam và nước ngoài bao gồm:

1. Tống đạt văn bản, tài liệu trong tố tụng hình sự;

2. Lấy lời khai trực tiếp, trực tuyến;

3. Thu thập, cung cấp chứng cứ;

4. Khám xét, thu giữ;

5. Áp dụng các biện pháp tố tụng nhằm bảo đảm việc tịch thu, trao trả, xử lý vật chứng, tài sản;

6. Tổ chức cho người ở nước được yêu cầu sang nước yêu cầu để hỗ trợ điều tra, cung cấp chứng cứ;

7. Tổ chức cho người có thẩm quyền ở nước yêu cầu sang nước được yêu cầu có mặt trong quá trình thực hiện yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự;

8. Chuyển giao tạm thời người đang bị tạm giam hoặc đang chấp hành án phạt tù ở nước được yêu cầu sang nước yêu cầu để hỗ trợ điều tra, cung cấp chứng cứ;

9. Chuyển giao truy cứu trách nhiệm hình sự;

10. Trao đổi thông tin;

11. Các hình thức tương trợ khác.

Điều 9. Hợp pháp hóa lãnh sự

Yêu cầu tương trợ, tài liệu kèm theo và kết quả tương trợ không phải hợp pháp hóa lãnh sự nếu được ký, đóng dấu bởi cơ quan, người có thẩm quyền, trừ trường hợp điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên hoặc pháp luật của nước ngoài có quy định khác.

Điều 10. Bảo đảm an toàn

1. Khi một người có mặt trên lãnh thổ của nước yêu cầu để cung cấp chứng cứ hoặc hỗ trợ điều tra thì nước đó phải cam kết các nội dung sau:

a) Người đó sẽ không bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị giam giữ hoặc bị hạn chế tự do cá nhân trên lãnh thổ của nước yêu cầu về hành vi được cho là phạm tội của người đó được thực hiện trước khi rời khỏi nước được yêu cầu;

b) Người đó không phải cung cấp chứng cứ theo bất kỳ thủ tục tố tụng hình sự nào và hỗ trợ bất kỳ việc điều tra hình sự nào ngoài phạm vi vấn đề hình sự đã nêu trong yêu cầu tương trợ, nếu người đó không đồng ý.

2. Người không đồng ý tham gia tố tụng hoặc hỗ trợ điều tra theo đề nghị của nước yêu cầu sẽ không phải chịu bất kỳ hình phạt hay biện pháp cưỡng chế nào tại nước yêu cầu.

3. Một người đồng ý tham gia tố tụng hoặc hỗ trợ điều tra ở nước yêu cầu sẽ không bị truy cứu trách nhiệm hình sự về lời khai của họ, trừ việc họ khai báo gian dối.

4. Quyền không bị bắt, bị tạm giam, tạm giữ hoặc bị điều tra, truy tố, xét xử chấm dứt nếu người đó không rời nước yêu cầu sau thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền của nước yêu cầu về việc không cần họ có mặt tại lãnh thổ nước này. Thời hạn này không tính vào thời gian mà người đó không thể rời nước yêu cầu vì lý do bất khả kháng.

Điều 11. Bảo mật thông tin và giới hạn sử dụng

1. Thông tin, tài liệu, chứng cứ do cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng cung cấp chỉ được sử dụng phù hợp với mục đích đã nêu trong yêu cầu, không được tiết lộ hoặc chuyển giao cho bên thứ ba. Trường hợp sử dụng thông tin, tài liệu, chứng cứ ngoài mục đích đã nêu trong yêu cầu thì phải có sự đồng ý trước bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền của nước được yêu cầu.

2. Cơ quan có thẩm quyền của nước được yêu cầu áp dụng biện pháp thích hợp để giữ bí mật về yêu cầu, nội dung yêu cầu, tài liệu kèm theo và hoạt động tố tụng hình sự sẽ được tiến hành theo yêu cầu; bảo đảm thông tin, chứng cứ đã cung cấp không bị sai lệch, thay đổi, tiết lộ trái phép hoặc các hành vi lạm dụng khác.

3. Trong trường hợp không thể thực hiện được yêu cầu của nước yêu cầu thì nước được yêu cầu phải thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do và trao đổi với cơ quan có thẩm quyền của nước yêu cầu về các biện pháp thay thế (nếu có).

Điều 12. Giao nhận tài liệu, vật chứng, tài sản liên quan đến tương trợ tư pháp về hình sự

1. Việc giao nhận tài liệu, vật chứng, tài sản liên quan đến tương trợ tư pháp về hình sự giữa Viện kiểm sát nhân dân tối cao với cơ quan lập yêu cầu hoặc cơ quan thực hiện yêu cầu của Việt Nam được thực hiện theo quy định của pháp luật Việt Nam.

2. Việc giao nhận tài liệu, vật chứng, tài sản liên quan đến tương trợ tư pháp về hình sự giữa Viện kiểm sát nhân dân tối cao và cơ quan có thẩm quyền nước ngoài do hai bên thỏa thuận phương thức thực hiện, phù hợp với pháp luật Việt Nam và pháp luật nước ngoài có liên quan.

Điều 13. Xem xét yêu cầu liên quan đến hình phạt tử hình

1. Trường hợp nước ngoài yêu cầu Việt Nam không áp dụng hình phạt tử hình hoặc không thi hành hình phạt tử hình để thực hiện yêu cầu tương trợ, Viện kiểm sát nhân dân tối cao chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan đưa ra một trong các thông báo sau đây:

a) Thông báo không áp dụng hình phạt tử hình đối với người có liên quan đến yêu cầu tương trợ nếu người đó thuộc trường hợp không bị kết án tử hình theo quy định tại Bộ luật hình sự;

b) Thông báo không thi hành hình phạt tử hình đối với người có liên quan đến yêu cầu tương trợ không thuộc trường hợp được quy định tại điểm a khoản 1 Điều này sau khi có ý kiến của Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong trường hợp cần thiết.

2. Trường hợp Việt Nam yêu cầu nước ngoài không thi hành hình phạt tử hình để thực hiện yêu cầu tương trợ, Viện kiểm sát nhân dân tối cao đề nghị nước ngoài đưa ra cam kết bằng văn bản về nội dung này.

3. Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao chủ trì, phối hợp với Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Bộ trưởng Bộ công an, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao và thủ trưởng các cơ quan khác có liên quan hướng dẫn chi tiết Điều này.

Điều 14. Chi phí thực hiện yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự

1. Trường hợp giữa Việt Nam và nước ngoài đã có điều ước quốc tế về tương trợ tư pháp về hình sự thì chi phí trong tương trợ tư pháp về hình sự được thực hiện theo điều ước quốc tế đó.

2. Trường hợp giữa Việt Nam và nước ngoài chưa ký kết điều ước quốc tế về tương trợ tư pháp về hình sự, nếu không có thoả thuận khác thì chi phí trong tương trợ tư pháp về hình sự do nước được yêu cầu chi trả, trừ những trường hợp sau:

a) Các chi phí cho việc đưa người đến hoặc đi từ lãnh thổ của nước được yêu cầu và chi phí người đó có thể được hưởng trong thời gian có mặt trên lãnh thổ của nước yêu cầu theo yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự quy định tại Điều 33, Điều 34 hoặc Điều 35 của Luật này;

b) Các chi phí cho việc chuyên chở các nhân viên dẫn giải hoặc hộ tống;

c) Chi phí giám định;

d) Chi phí liên quan tới việc phiên dịch, biên dịch, sao chép tài liệu và thu thập chứng cứ bằng hình ảnh, qua cầu truyền hình hoặc các phương tiện kỹ thuật khác từ nước được yêu cầu tới nước yêu cầu;

đ) Các chi phí phát sinh trong quá trình thực hiện yêu cầu tương trợ khi nước được yêu cầu đề nghị.

Điều 15. Kinh phí bảo đảm công tác tương trợ tư pháp về hình sự

1. Ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác quản lý nhà nước về tương trợ tư pháp về hình sự.

2. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 16. Cơ quan trung ương trong tương trợ tư pháp về hình sự

1. Viện kiểm sát nhân dân tối cao là Cơ quan trung ương trong tương trợ tư pháp về hình sự của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

2. Cơ quan trung ương trong tương trợ tư pháp về hình sự của Việt Nam có trách nhiệm gửi và nhận các yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự, bao gồm cả thông qua phương tiện điện tử; phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương xem xét, giải quyết các yêu cầu về tương trợ tư pháp về hình sự của Việt Nam và của nước ngoài.

Điều 17. Thực hiện tương trợ tư pháp về hình sự giữa Việt Nam với các nước có chung đường biên giới

1. Cơ quan lập yêu cầu và Cơ quan thực hiện yêu cầu của các tỉnh có chung đường biên giới giữa Việt Nam với nước ngoài có thể trực tiếp thực hiện tương trợ tư pháp về hình sự trong trường hợp được quy định tại điều ước quốc tế về tương trợ tư pháp về hình sự giữa Việt Nam với nước ngoài hoặc theo văn bản thỏa thuận do các cơ quan có thẩm quyền của hai nước thống nhất.

2. Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh của các tỉnh có chung đường biên giới giữa Việt Nam với nước ngoài có trách nhiệm tiếp nhận và gửi các yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự do cơ quan lập yêu cầu của các tỉnh có chung đường biên giới giữa Việt Nam với nước ngoài gửi đến; đồng thời báo cáo Viện kiểm sát nhân dân tối cao để theo dõi, phối hợp liên hệ, đôn đốc và thực hiện quản lý Nhà nước.

Điều 18. Trách nhiệm của các cơ quan nhà nước trong tương trợ tư pháp về hình sự

1. Viện kiểm sát nhân dân tối cao thống nhất quản lý hoạt động tương trợ tư pháp về hình sự trong phạm vi cả nước; ký kết và tổ chức thực hiện điều ước quốc tế về tương trợ tư pháp về hình sự; tổ chức thực hiện, xử lý các yêu cầu

tương trợ tư pháp về hình sự, hướng dẫn cơ quan có thẩm quyền thực hiện tương trợ tư pháp về hình sự.

Viện kiểm sát các cấp thực hành quyền công tố và kiểm sát việc tương trợ tư pháp về hình sự theo thẩm quyền và phối hợp với cơ quan lập yêu cầu xác định tính cần thiết của các yêu cầu gửi ra nước ngoài.

2. Toà án nhân dân tối cao, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình thực hiện các nhiệm vụ về tương trợ tư pháp về hình sự; phối hợp với Viện kiểm sát nhân dân tối cao trong việc thực hiện quản lý hoạt động tương trợ tư pháp về hình sự.

3. Cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng và cơ quan thi hành án các cấp có trách nhiệm thực hiện yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự của nước ngoài; Lập yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự đề nghị nước ngoài hỗ trợ thực hiện theo thẩm quyền.

CHƯƠNG II

YÊU CẦU TƯƠNG TRỢ TƯ PHÁP VỀ HÌNH SỰ CỦA VIỆT NAM GỬI ĐI NƯỚC NGOÀI

Điều 19. Hồ sơ yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự của Việt Nam

1. Hồ sơ yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự của cơ quan lập yêu cầu gửi nước ngoài bao gồm văn bản, tài liệu sau:

a) Văn bản đề nghị Viện kiểm sát nhân dân tối cao gửi hồ sơ yêu cầu tương trợ cho nước ngoài. Trong trường hợp thực hiện tương trợ tư pháp về hình sự giữa các tỉnh có chung đường biên giới, văn bản đề nghị Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh gửi hồ sơ yêu cầu tương trợ cho nước ngoài.

b) Văn bản yêu cầu tương trợ gửi nước ngoài.

c) Tài liệu khác kèm theo, nếu có và thấy cần thiết để tạo điều kiện thuận lợi cho việc thực hiện tương trợ.

2. Văn bản yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự gồm các thông tin cơ bản sau:

a) Thời gian, địa điểm lập yêu cầu;

b) Tên cơ quan lập yêu cầu;

c) Căn cứ lập yêu cầu;

d) Khẳng định thẩm quyền tiến hành tố tụng, thẩm quyền lập yêu cầu;

đ) Tên cơ quan trung ương tiếp nhận yêu cầu của nước được yêu cầu;

e) Tên đầy đủ, địa chỉ của cá nhân, tổ chức có liên quan đến yêu cầu tương trợ;

g) Mô tả mục đích của yêu cầu, nội dung vụ việc, vụ án hình sự liên quan đến yêu cầu bao gồm các tình tiết thể hiện mối liên hệ với nước được yêu cầu, mối liên hệ giữa các đối tượng được yêu cầu tương trợ với nội dung vụ việc, vụ án nêu trong yêu cầu, tiến độ hoạt động tố tụng trong vụ việc, vụ án hình sự liên quan đến yêu cầu;

h) Trích dẫn pháp luật về tội danh và hình phạt có thể áp dụng đối với tội phạm liên quan đến yêu cầu;

i) Các nội dung, thủ tục, cách thức cụ thể đề nghị nước được yêu cầu thực hiện tương trợ;

k) Thời gian mong muốn nhận được kết quả tương trợ;

l) Yêu cầu về bảo mật nội dung hồ sơ yêu cầu, quá trình thực hiện yêu cầu và kết quả thực hiện tương trợ (nếu có).

3. Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao hướng dẫn chi tiết Điều này.

Điều 20. Lập, gửi yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự

1. Khi phát sinh nhu cầu đề nghị nước ngoài thực hiện tương trợ, cơ quan lập yêu cầu kịp thời lập hồ sơ yêu cầu tương trợ theo quy định tại Điều 19 Luật này và gửi cho Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

Hồ sơ yêu cầu tương trợ được lập thành 03 bộ bằng ngôn ngữ quy định tại Điều 7 của Luật này.

2. Viện kiểm sát nhân dân tối cao có trách nhiệm phối hợp, hướng dẫn cơ quan lập yêu cầu lập hồ sơ yêu cầu phù hợp với các điều ước quốc tế mà Việt Nam và nước ngoài là thành viên hoặc pháp luật của nước ngoài trong trường hợp hai nước chưa có các điều ước quốc tế.

3. Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu, Viện kiểm sát nhân dân tối cao vào sổ thụ lý, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ yêu cầu. Trường hợp hồ sơ hợp lệ, Viện kiểm sát nhân dân tối cao chuyển cho cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài, hoặc chuyển cho Bộ Ngoại giao trong trường hợp Việt Nam và nước ngoài chưa có điều ước quốc tế về tương trợ tư pháp về hình sự hoặc điều ước quốc tế có quy định để đề nghị nước ngoài hỗ trợ thực hiện. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, Viện kiểm sát nhân dân tối cao trả lại cho cơ quan lập yêu cầu, nêu rõ lý do, đề nghị bổ sung thông tin hoặc hướng dẫn lập lại yêu cầu.

4. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu, Bộ Ngoại giao có trách nhiệm chuyển cho cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài để đề nghị nước ngoài hỗ trợ thực hiện.

5. Trường hợp theo quy định của pháp luật nước được yêu cầu, Viện kiểm sát nhân dân tối cao trực tiếp lập yêu cầu tương trợ gửi nước ngoài. Cơ quan lập yêu cầu có trách nhiệm cung cấp thông tin, tài liệu cần thiết cho Viện kiểm sát nhân dân tối cao để thực hiện lập yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự.

6. Trường hợp sau khi đã gửi yêu cầu, nếu cơ quan lập yêu cầu nhận thấy việc đề nghị nước ngoài thực hiện yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự không còn cần thiết thì phải thông báo bằng văn bản cho Viện kiểm sát nhân dân tối cao để thông báo cho cơ quan có thẩm quyền của nước được yêu cầu về việc kết thúc thực hiện yêu cầu tương trợ.

Điều 21. Phối hợp trao đổi, bổ sung thông tin thực hiện yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự của Việt Nam

Khi nước ngoài đề nghị, các cơ quan có thẩm quyền thực hiện việc bổ sung, làm rõ thông tin liên quan đến yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự như sau:

1. Viện kiểm sát nhân dân tối cao trực tiếp có văn bản bổ sung, làm rõ thông tin về quy định của pháp luật hiện hành cho cơ quan có thẩm quyền của nước được yêu cầu.

2. Trên cơ sở thông báo của Viện kiểm sát nhân dân tối cao, cơ quan lập yêu cầu có văn bản bổ sung, làm rõ thông tin về nội dung vụ việc, vụ án hoặc nội dung tương trợ liên quan đến yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự gửi Viện kiểm sát nhân dân tối cao để thực hiện bổ sung, làm rõ thông tin cho nước được yêu cầu.

3. Trong trường hợp cần thiết, Viện kiểm sát nhân dân tối cao chủ trì, phối hợp với cơ quan lập yêu cầu và cơ quan có thẩm quyền liên quan khác thống nhất nội dung thông tin cần bổ sung, làm rõ.

Điều 22. Thông báo kết quả thực hiện yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự

1. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ khi nhận được kết quả thực hiện yêu cầu tương trợ từ nước ngoài, Viện kiểm sát nhân dân tối cao gửi kết quả thực hiện tương trợ cho cơ quan lập yêu cầu.

2. Cơ quan lập yêu cầu khi nhận kết quả thực hiện yêu cầu tương trợ có trách nhiệm dịch sang tiếng Việt trong trường hợp kết quả chưa được dịch sang tiếng Việt và gửi cho Viện kiểm sát nhân dân tối cao 01 bản dịch để thực hiện việc quản lý nhà nước trong lĩnh vực tương trợ tư pháp về hình sự.

3. Sau khi tiếp nhận kết quả thực hiện yêu cầu tương trợ, cơ quan lập yêu cầu có thể đề nghị Viện kiểm sát nhân dân tối cao yêu cầu cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài làm rõ, bổ sung thông tin kết quả thực hiện yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự nếu thấy các nội dung trong yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự chưa được thực hiện đầy đủ.

4. Khi nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này, Viện kiểm sát nhân dân tối cao có văn bản đề nghị cơ quan có thẩm quyền của nước được yêu cầu làm rõ, bổ sung thông tin kết quả thực hiện yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự.

Điều 23. Giá trị pháp lý của kết quả tương trợ tư pháp về hình sự

Kết quả thực hiện tương trợ tư pháp về hình sự được chuyển giao qua Viện kiểm sát nhân dân tối cao, kể cả bằng phương tiện điện tử, có giá trị pháp lý và được sử dụng trong giải quyết các vụ việc, vụ án hình sự.

Điều 24. Kết thúc yêu cầu nước ngoài thực hiện yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự

Việc yêu cầu nước ngoài thực hiện yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự kết thúc trong các trường hợp sau:

1. Cơ quan lập yêu cầu đã nhận được tài liệu kết quả thực hiện yêu cầu tương trợ.

2. Cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài có văn bản thông báo đã tiến hành thực hiện yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự nhưng không thực hiện được.

3. Cơ quan lập yêu cầu thông báo việc đề nghị nước ngoài thực hiện tương trợ không còn cần thiết.

4. Trường hợp không nhận được phản hồi của nước ngoài, Viện kiểm sát nhân dân tối cao phối hợp với cơ quan lập yêu cầu và các cơ quan có liên quan để thống nhất việc kết thúc tương trợ.

Điều 25. Đề nghị nước ngoài truy cứu trách nhiệm hình sự

1. Đối với vụ án có người nước ngoài phạm tội trên lãnh thổ Việt Nam mà người đó đã trốn ra nước ngoài nhưng không dẫn độ được thì cơ quan đang thụ lý vụ án chuyển hồ sơ vụ án đến Viện kiểm sát nhân dân tối cao để yêu cầu nước người phạm tội đang có mặt hoặc nước người phạm tội mang quốc tịch tiếp tục truy cứu trách nhiệm hình sự. Khi quyết định chuyển giao hồ sơ vụ án, Viện kiểm sát nhân dân tối cao có thể chuyển giao cả vật chứng của vụ án.

2. Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao chủ trì, phối hợp với Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Bộ trưởng Bộ công an, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao và thủ trưởng các cơ quan khác có liên quan hướng dẫn chi tiết Điều này.

Chương III

YÊU CẦU TƯƠNG TRỢ TƯ PHÁP VỀ HÌNH SỰ CỦA NƯỚC NGOÀI GỬI ĐẾN VIỆT NAM

Điều 26. Hồ sơ yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự của nước ngoài

1. Hồ sơ yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự của nước ngoài gửi Việt Nam bao gồm văn bản, tài liệu sau:

a) Văn bản của cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài gửi Viện kiểm sát nhân dân tối cao đề nghị thực hiện tương trợ tư pháp về hình sự. Trường hợp thực hiện tương trợ tư pháp về hình sự giữa các tỉnh có chung đường biên giới,

văn bản gửi Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh đề nghị thực hiện tương trợ tư pháp về hình sự;

b) Văn bản yêu cầu tương trợ gửi Việt Nam;

c) Tài liệu khác kèm theo, nếu có.

2. Văn bản yêu cầu tương trợ gửi Việt Nam gồm các thông tin cơ bản sau:

a) Tên đầy đủ, địa chỉ của cá nhân, tổ chức có liên quan đến yêu cầu tương trợ;

b) Căn cứ lập yêu cầu;

c) Mô tả mục đích của yêu cầu, nội dung vụ việc, vụ án hình sự liên quan đến yêu cầu bao gồm các tình tiết thể hiện mối liên hệ với Việt Nam, mối liên hệ giữa các đối tượng được yêu cầu tương trợ với nội dung vụ việc, vụ án nêu trong yêu cầu, tiến độ hoạt động tố tụng trong vụ việc, vụ án hình sự liên quan đến yêu cầu;

d) Trích dẫn pháp luật về tội danh và hình phạt có thể áp dụng đối với tội phạm liên quan đến yêu cầu;

đ) Các nội dung, thủ tục, cách thức cụ thể đề nghị Việt Nam thực hiện tương trợ.

Điều 27. Trình tự, thủ tục tiếp nhận hồ sơ yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự

1. Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự của cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài, Viện kiểm sát nhân dân tối cao vào sổ thụ lý, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ.

Trường hợp hồ sơ hợp lệ, Viện kiểm sát nhân dân tối cao chuyển hồ sơ cho cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng tương ứng theo trình tự của Bộ luật tố tụng hình sự để thực hiện.

Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, Viện kiểm sát nhân dân tối cao trả lại cho cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài và nêu rõ lý do.

2. Trường hợp điều ước quốc tế giữa Việt Nam và nước ngoài quy định yêu cầu tương trợ có thể được lập bằng ngôn ngữ khác, nếu hồ sơ chưa được dịch ra tiếng Việt, Viện kiểm sát nhân dân tối cao tổ chức dịch hồ sơ sang tiếng Việt theo quy định pháp luật. Trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản dịch, Viện kiểm sát nhân dân tối cao chuyển hồ sơ yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự cho cơ quan thực hiện yêu cầu.

3. Trường hợp hồ sơ yêu cầu tương trợ được gửi qua các cơ quan khác, trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ yêu cầu, cơ quan nhận được yêu cầu có trách nhiệm chuyển hồ sơ và các tài liệu kèm theo (nếu có) cho Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

Điều 28. Từ chối, hoãn thực hiện tương trợ tư pháp về hình sự

1. Yêu cầu tương trợ của nước ngoài bị từ chối thực hiện khi thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Gây phương hại đến chủ quyền, an ninh quốc gia, lợi ích quốc gia, trật tự công cộng của Việt Nam;

b) Liên quan đến việc truy cứu trách nhiệm hình sự một người về một hành vi phạm tội mà người đó đã bị kết án, được tuyên không có tội hoặc được đại xá, đặc xá tại Việt Nam;

c) Liên quan đến hành vi phạm tội đã hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật hình sự Việt Nam;

d) Có căn cứ cho rằng yêu cầu được lập với mục đích truy cứu trách nhiệm hình sự một người vì lý do chủng tộc, tôn giáo, quốc tịch, nguồn gốc dân tộc, quan điểm chính trị của người đó hoặc vì những lý do này mà người đó có thể bị đối xử không công bằng trong quá trình truy cứu trách nhiệm hình sự người đó;

đ) Yêu cầu đối với tội phạm có liên quan đến chính trị hoặc lĩnh vực quân sự.

2. Yêu cầu tương trợ của nước ngoài có thể bị từ chối thực hiện khi thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Hành vi của đối tượng nêu trong yêu cầu tương trợ không cấu thành tội phạm theo pháp luật hình sự Việt Nam;

b) Việc thực hiện yêu cầu vượt quá khả năng, điều kiện của các cơ quan thực hiện yêu cầu của Việt Nam.

3. Yêu cầu của nước ngoài có thể bị hoãn thực hiện tại Việt Nam nếu việc thực hiện tương trợ cản trở quá trình điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án tại Việt Nam.

4. Khi quyết định từ chối hoặc hoãn thực hiện tương trợ theo quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 của Điều này, Viện kiểm sát nhân dân tối cao thông báo cho nước ngoài về lý do từ chối hoặc hoãn thực hiện.

Điều 29. Thực hiện yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự của nước ngoài

1. Cơ quan có thẩm quyền thực hiện các nội dung tương trợ nêu trong yêu cầu theo trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật tố tụng hình sự và các Luật có liên quan khác tương ứng với nội dung yêu cầu.

2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản của cơ quan có thẩm quyền thông báo kết quả thực hiện yêu cầu tương trợ, Viện kiểm sát nhân dân tối cao chuyển văn bản và tài liệu kèm theo (nếu có) cho cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài theo quy định của điều ước quốc tế mà Việt Nam và nước ngoài là thành viên hoặc thông qua kênh ngoại giao.

3. Trường hợp yêu cầu tương trợ không thực hiện được hoặc cần bổ sung thông tin, tài liệu để xem xét việc thực hiện yêu cầu, cơ quan có thẩm quyền thông

báo bằng văn bản cho Viện kiểm sát nhân dân tối cao và nêu rõ lý do để Viện kiểm sát nhân dân tối cao thông báo cho cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài.

Điều 30. Yêu cầu về tống đạt giấy triệu tập

1. Trường hợp triệu tập người làm chứng, người giám định hoặc những người có liên quan khác đang có mặt tại Việt Nam sang nước yêu cầu, Cơ quan trung ương của nước yêu cầu gửi văn bản yêu cầu kèm theo giấy triệu tập (nếu có) cho Viện kiểm sát nhân dân tối cao trong thời hạn chậm nhất là 90 ngày, trước ngày dự định người đó phải có mặt tại nước yêu cầu. Trong trường hợp khẩn cấp, Viện kiểm sát nhân dân tối cao có thể không áp dụng thời hạn này.

2. Viện kiểm sát nhân dân tối cao chuyển yêu cầu cho cơ quan có thẩm quyền thực hiện tương trợ khi có đủ các điều kiện sau:

a) Yêu cầu có liên quan đến vụ việc, vụ án hình sự ở nước yêu cầu;

b) Có căn cứ cho rằng người cần tống đạt đang có mặt tại Việt Nam.

3. Cơ quan thực hiện yêu cầu phải kịp thời thực hiện việc tống đạt theo trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật Tố tụng hình sự hoặc theo đề nghị trong yêu cầu tương trợ nếu không trái với pháp luật Việt Nam. Sau khi tống đạt, cơ quan thực hiện yêu cầu gửi cho Viện kiểm sát nhân dân tối cao văn bản xác nhận về việc tống đạt hoặc nếu không thực hiện được thì phải nêu rõ lý do để chuyển cho nước yêu cầu.

Điều 31. Yêu cầu về lấy lời khai trực tuyến

1. Sau khi tiếp nhận, cơ quan thực hiện yêu cầu tiến hành xác minh thông tin và địa chỉ của người được lấy lời khai; lấy ý kiến của người được lấy lời khai và thông báo thời gian, địa điểm và các vấn đề có liên quan khác cho người được lấy lời khai.

2. Cơ quan thực hiện yêu cầu thông báo ý kiến của người được lấy lời khai cho Viện kiểm sát nhân dân tối cao để thông báo cho nước yêu cầu.

3. Viện kiểm sát nhân dân tối cao thông báo bằng văn bản cho nước yêu cầu về ý kiến của người được lấy lời khai như sau:

a) Trường hợp người được lấy lời khai không đồng ý hoặc đồng ý kèm theo điều kiện thì thông báo cho nước yêu cầu biết hoặc đề nghị nước yêu cầu xem xét đáp ứng các điều kiện do người được lấy ý kiến đưa ra để quyết định tiếp tục đề nghị hay kết thúc thực hiện yêu cầu tương trợ;

b) Trường hợp người được lấy lời khai đồng ý và yêu cầu tương trợ đã đáp ứng được các điều kiện của phía Việt Nam, gồm cả điều kiện do người được lấy lời khai đưa ra, thì thông báo về sự đồng ý đó cho nước yêu cầu và đề nghị cung cấp thông tin về thời gian, địa điểm tổ chức; hình thức, phương thức chuyển, thanh toán các khoản chi phí cho người được lấy lời khai; thành phần người tiến hành tố tụng, cán bộ có thẩm quyền của nước yêu cầu tham gia trực

tuyến tại đầu cầu nước yêu cầu và các thông tin khác cần thiết cho việc tổ chức lấy lời khai trực tuyến.

4. Trường hợp nước yêu cầu đáp ứng được khoản 3 Điều này, Viện kiểm sát nhân dân tối cao thông báo cho cơ quan thực hiện yêu cầu để triển khai thực hiện.

Điều 32. Yêu cầu về áp dụng các biện pháp tố tụng nhằm bảo đảm việc tịch thu, trao trả, xử lý vật chứng, tài sản

1. Cơ quan có thẩm quyền tương ứng của Việt Nam thực hiện việc áp dụng các biện pháp tố tụng nhằm bảo đảm việc tịch thu, trao trả, xử lý vật chứng, tài sản liên quan đến hành vi phạm tội theo trình tự, thủ tục được quy định tại Bộ luật tố tụng hình sự và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Trường hợp giữa Việt Nam và nước ngoài đã có điều ước quốc tế về tương trợ tư pháp về hình sự, việc hoàn trả tài sản bị tịch thu sẽ được thực hiện theo quy định trong điều ước quốc tế đó. Trường hợp điều ước quốc tế chưa có quy định hoặc giữa Việt Nam và nước ngoài chưa ký kết điều ước quốc tế về tương trợ tư pháp về hình sự, việc hoàn trả tài sản bị tịch thu sẽ thực hiện theo thoả thuận về chia sẻ tài sản giữa Việt Nam và nước ngoài.

3. Các chi phí phát sinh trong quá trình thực hiện yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự sẽ được khấu trừ trước khi tiến hành thỏa thuận về chia sẻ tài sản giữa Việt Nam và nước ngoài.

4. Khi áp dụng Điều này, các quyền chính đáng của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan sẽ được tôn trọng và bảo vệ.

5. Viện kiểm sát nhân dân tối cao chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan xác định chi phí phát sinh và thỏa thuận về chia sẻ tài sản giữa Việt Nam và nước ngoài.

Điều 33. Tổ chức cho người ở Việt Nam sang nước ngoài để hỗ trợ điều tra, cung cấp chứng cứ

1. Theo đề nghị của nước ngoài, Viện kiểm sát nhân dân tối cao có thể tổ chức đưa một người không thuộc trường hợp quy định tại Điều 35 của Luật này sang nước ngoài để hỗ trợ điều tra hoặc cung cấp chứng cứ.

2. Sau khi xem xét các điều kiện mà nước ngoài cam kết theo quy định tại Điều 10 của Luật này, Viện kiểm sát nhân dân tối cao phối hợp với cơ quan có thẩm quyền đề nghị một người hỗ trợ điều tra hoặc cung cấp chứng cứ trên lãnh thổ của nước ngoài. Người đó sẽ được thông báo về việc bảo đảm an toàn, điều kiện ăn ở, đi lại tại nước ngoài, số tiền trợ cấp hoặc chi phí có thể được hưởng.

3. Viện kiểm sát nhân dân tối cao thông báo ngay ý kiến của người đó cho nước ngoài và nếu người đó đồng ý thì tiến hành các bước cần thiết để tổ chức cho người đó sang nước ngoài để thực hiện yêu cầu tương trợ.

Điều 34. Tổ chức cho người có thẩm quyền ở nước ngoài đến Việt Nam có mặt trong quá trình thực hiện yêu cầu của nước ngoài

1. Trường hợp nước ngoài đề nghị Việt Nam cho phép người có thẩm quyền nêu trong yêu cầu có mặt trong quá trình thực hiện yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự ở Việt Nam, Viện kiểm sát nhân dân tối cao lấy ý kiến của cơ quan thực hiện yêu cầu. Trường hợp đồng ý cho người có thẩm quyền của nước ngoài đến Việt Nam có mặt trong quá trình thực hiện yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự, Viện kiểm sát nhân dân tối cao thông báo cho nước ngoài về thời gian và địa điểm thực hiện yêu cầu tương trợ.

2. Viện kiểm sát nhân dân tối cao kịp thời thông báo cho nước ngoài về quyết định từ chối kèm theo lý do hoặc các tình huống phát sinh có thể trì hoãn việc thực hiện yêu cầu tương trợ.

Điều 35. Chuyển giao tạm thời người đang bị tạm giam hoặc đang chấp hành án phạt tù ở Việt Nam sang nước ngoài để hỗ trợ điều tra, cung cấp chứng cứ theo yêu cầu của nước ngoài

1. Người đang bị tạm giam hoặc đang chấp hành án phạt tù tại Việt Nam có thể được dẫn giải, chuyển giao tạm thời cho cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài để hỗ trợ điều tra, cung cấp chứng cứ trong vụ án hình sự tại nước ngoài.

2. Cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam chỉ dẫn giải người đang bị tạm giam hay đang chấp hành án phạt tù theo quy định tại khoản 1 Điều này khi đáp ứng đủ các điều kiện sau:

a) Người đó đồng ý với việc chuyển giao và hỗ trợ điều tra, cung cấp chứng cứ tại nước ngoài;

b) Cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài phải cam kết bằng văn bản về việc bảo đảm an toàn, sức khỏe, điều kiện ăn ở, đi lại, thời hạn, phương thức tiếp nhận, trao trả và các điều kiện cụ thể khác liên quan đến việc chuyển giao do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam đề nghị. Văn bản cam kết được lập theo quy định của pháp luật Việt Nam và pháp luật quốc tế liên quan đến việc chuyển giao người đang bị tạm giam, đang chấp hành án phạt tù để hỗ trợ điều tra, cung cấp chứng cứ. Việc trao trả lại người bị chuyển giao cho cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam phải được thực hiện theo đúng thời hạn đã cam kết.

3. Thời gian mà người bị chuyển giao bị dẫn giải, lưu lại ở nước ngoài được tính vào thời hạn tạm giam hoặc thời hạn chấp hành án phạt tù của người đó.

4. Khi thời hạn tạm giam hoặc thời hạn chấp hành án phạt tù đã hết, hoặc khi cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam thông báo không cần phải giam giữ người bị chuyển giao nữa, thì người đó sẽ được trả tự do và được đối xử như đối với người được quy định tại Điều 33 Luật này.

5. Khi thực hiện quy định tại khoản 1 Điều này, trình tự, thủ tục, thẩm quyền quyết định việc chuyển giao được thực hiện tương tự trình tự, thủ tục trích xuất người đang bị tạm giam, người đang chấp hành án phạt tù theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự và pháp luật thi hành án hình sự Việt Nam.

Điều 36. Yêu cầu về chuyển giao truy cứu trách nhiệm hình sự

1. Khi nhận được yêu cầu của nước ngoài về việc tiếp tục truy cứu trách nhiệm hình sự đối với công dân Việt Nam phạm tội ở nước ngoài đang có mặt tại Việt Nam, Viện kiểm sát nhân dân tối cao kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ và chuyển cho Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh nơi có địa chỉ của người bị đề nghị tiếp tục truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc Cơ quan điều tra Bộ Công an để giải quyết.

2. Sau khi nhận được yêu cầu tiếp tục truy cứu trách nhiệm hình sự do Viện kiểm sát nhân dân tối cao chuyển đến, Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh hoặc Cơ quan điều tra Bộ Công an tiếp nhận hồ sơ; áp dụng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự để giải quyết.

3. Trong quá trình giải quyết yêu cầu, nếu thấy cần có thêm thông tin, tài liệu từ nước ngoài, cơ quan thực hiện yêu cầu có văn bản gửi Viện kiểm sát nhân dân tối cao để đề nghị cơ quan có thẩm quyền của nước yêu cầu cung cấp bổ sung thông tin, tài liệu.

Điều 37. Trao đổi thông tin, kết thúc thực hiện yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự

1. Trong quá trình thực hiện yêu cầu, trường hợp cần bổ sung thông tin, cơ quan thực hiện yêu cầu gửi văn bản cho Viện kiểm sát nhân dân tối cao để đề nghị nước ngoài bổ sung thông tin. Văn bản đề nghị nước ngoài bổ sung thông tin nêu rõ thời hạn bổ sung và việc kết thúc thực hiện tương trợ tư pháp về hình sự nếu không đáp ứng được thời hạn đó.

2. Khi nước yêu cầu thông báo kết thúc thực hiện yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự, Viện kiểm sát nhân dân tối cao thông báo cho cơ quan thực hiện yêu cầu để kết thúc việc thực hiện tương trợ tư pháp về hình sự.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 38. Hiệu lực thi hành

1. Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

2. Luật Tương trợ tư pháp số 08/2007/QH12 ngày 21/11/2007 hết hiệu lực kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 39 của Luật này.

Điều 39. Quy định chuyển tiếp

1. Các yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự được lập trước ngày Luật này có hiệu lực thì áp dụng quy định của Luật Tương trợ tư pháp số 08/2007/QH12 ngày 21/11/2007.

2. Quy định "ủy thác tư pháp" trong lĩnh vực hình sự theo khoản 1 Điều 6 Luật Tương trợ tư pháp số 08/2007/QH12 ngày 21/11/2007 tại các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành được sử dụng tương đương quy định "tương trợ tư pháp về hình sự" quy định tại Luật này.

Luật này được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, Kỳ họp thứ... thông qua ngày... tháng... năm 2025./.

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI